**Tuần 12**

**Toán 4 ( tiết 56)**

**Bài 33: LUYỆN TẬP (Tiết 1) - Trang 80**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được phép nhân với số có hai chữ số

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân nhân với số có hai chữ số vào giải quyết một số tình huống gắn với thưc tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy ( Bảng nhóm BT2).

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | - GV tổ chức trò chơi: “*Vượt qua thử thách*” để khởi động bài học: Đại diện các nhóm nêu tình huống bất kì liên quan đến phép nhân trong pham vi 100 000. Sau đó yêu cầu các nhóm giơ bảng, nhóm nào giờ nhanh được quyền trả lời câu hỏi nhóm bạn đặt ra. Nhóm nào có nhiều tình huống hay, phép tính đúng thì thắng cuộc.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Bài học hôm nay cô cùng các con luyện tập các bài tập về phép nhân với số có hai chữ số: Bài 33: Luyện tập (T1)* | - HS tham gia trò chơi: “*Vượt qua thử thách*”.  - Lớp lắng nghe. |
|  | **2. Luyện tập:**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép nhân với số có hai chữ số (có nhớ)  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | **Bài 1. Tính**. (Làm việc cá nhân)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân với số có hai chữ số:  Tính  ?Khi thực hiện bài tập Nhân với số có hai chữ số ta cần lưu ý điều gì?  **-** GV yêu cầu HS thực hiện phép tính vào bảng con.  -GV chữa bài cho học sin  - GV Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng những HS làm tốt.  **Bài 2. Đặt tính rồi tính: (**Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **=> Lưu ý HS:**  *- Lượt nhân nào có kết quả lớn hơn hoặc bằng 10 thì phần nhớ được cộng sang kết quả của phép nhân ở hàng tiếp theo.*  *- Nhân rồi mới cộng với phàn nhớ ở hàng liền trước (nếu có)* | - 1-2 em nu.  + HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  -Ta cần tìm tích 1 và tích 2, sau đó cộng hai tích lại với nhau  - HS làm bảng con.  - HS giơ bảng nêu cách thực hiện:  Trả lời  -Hs lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm.   |  |  | | --- | --- | | x | 2129 | | 43 | |  | 6387  8516  91547 |   - Các nhóm nêu kết quả:   |  |  | | --- | --- | | x | 2331 | | 23 | |  | 6993  4662  53613 |   - HS lắng nghe. |
|  | **3.** **Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | - GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”. Chơi cả lớp: GV nêu một số phép tính nhân và hô 1-2-3 xem HS nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời. (chơi 3-5 lượt).  - GV Nhận xét, tuyên dương, khen thưởng những HS trả lời nhanh.  - Nhận xét tiết học. | - HS chơi cả lớp: Sau nhịp hô 1-2-3 của GV những bạn nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời về phép nhân với số có một chữ số bất kì. 4 bạn nhanh nhất và trả lời đúng sẽ được tặng quà.  - HS lắng nghe. |

**Toán ( tiết 57)**

**Bài 33: LUYỆN TẬP (Tiết 2) - Trang 80**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được phép nhân với số có hai chữ số

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân nhân với số có hai chữ số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy ( bảng nhóm BT3).

**2. Học sinh**

- Bảng con .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học “ Ai nhanh ai đúng”  + Thực hiện nhóm đôi, một bạn đặt phép tính một bạn thực hiện  - GV gọi học sinh chia sẻ  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua phần trò chơi khởi động vừa rồi cô thấy cả lớp đã nắm rất tốt cách nhân với số có hai chữ số. Giờ học hôm nay cô cùng cả lớp vận dụng những cách nhân ấy vào các tình huống cụ thể có trong thực tế: Luyện tập (T2)* | - HS tham gia trò chơi  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe. |
|  | **2. Luyện tập*:***  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép nhân *với số có hai chữ số* (có nhớ không) .  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép *nhân với số có hai chữ số* vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | **Bài 3. *Một cửa hàng đã bán 40 kg gạo tẻ với giá 18.000 đồng một ki-lô-gam và 35 kg gạo nếp với***  ***giá 25 000 đồng một ki-lô-gam. Hỏi cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền?*(Làm việc nhóm 4)**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán  ?. Bài toán cho biết gì?  ?. Bài toán yêu cầu gì?  ?. Để tìm được số tiền bán gạo của của hàng ta phải làm như nào?  - GV cho hs thực hiện nhóm 4  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương.  **Bài 4.**  ***Đường chạy bộ vòng quanh một sân vận động dài 400m. Một vận động viên ngày đầu chạy***  ***23 vòng xung quanh sân vận động, ngày thứ hai chạy 27 vòng. Hỏi:***  ***a) Mỗi ngày vận động đó chạy được bao nhiêu mét?***  ***b) Sau cả hai ngày vận động viên đó chạy được bao nhiêu mét?***  ***c) Ngày thứ hai vận động viên đó chạy nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu mét?***  - GV cho học sinh đọc yêu cầu của bài  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán  ?. Bài toán cho biết gì?  ?. Bài toán yêu cầu gì?  -GV yêu cầu học sinh làm bài vào vở  -Gv gọi học sinh chia sẻ bài làm của mình trước lớp  - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương. | - HS đọc yêu cầu của bài  + Bán 40kg gạo tẻ với giá 18.000 đồng một ki-lô-gam và 35 kg gạo nếp với giá 25 000 đồng một ki-lô-gam.  + Cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền.  + HS suy nghĩ trả lời.  - HS chia nhóm thực hiện.  -Chia sẻ kết quả  **Bài giả**  Số tiền thu được từ gạo tẻ là :  40 x 18 000 = 720 000 (đồng)  Số tiền thu được từ gạo nếp là :  35 x 25 000 = 875 000 (đồng)  Số tiền cửa hàng thu được là :  720 000 + 875 000 = 1 595 000 (đồng)  Đáp số : 1 595 000 đồng  - HS đọc yêu cầu của bài  + Đường chạy bộ vòng quanh một sân vận động dài 400m. Một vận động viên ngày đầu chạy  23 vòng xung quanh sân vận động, ngày thứ hai chạy 27 vòng  +a) Mỗi ngày vận động viên đó chạy được bao nhiêu mét?  b) Sau cả hai ngày vận động viên đó chạy được bao nhiêu mét?  c) Ngày thứ hai vận động viên đó chạy nhiều hơn ngày thứ nhất bao nhiêu mét?  -Hs làm bài  **Bài giải**  a) Ngày đầu vận động viên chạy số mét là :  23 x 400 = 9 200 (m)  Ngày thứ hai vận động viên chạy số mét là :  27 x 400 = 10 800 (m)  b) Cả hai ngày vận động chạy số mét là :  9 200 + 10 800 = 20 000 (m)  c) Ngày thứ hai vận động viên chạy nhiều hơn ngày thứ nhất số mét là :  10 800 + 9 200 = 1 600 (m)  Đáp số :  a) 9 200 m, 10 800m ; b) 20 000 m ; c) 1 600 m  + HS chia sẻ trước lớp về kết quả và cách làm của mình với các bạn.  -HS lắng nghe |
|  | **3. Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép nhân với số có hai chữ số vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | **Bài 5. *Hoá đơn truyền hình cáp của gia đình Huy là 115 000 đồng mỗi tháng. Hỏi cả năm gia đình***  ***Huy phải trả bao nhiêu tiền truyền hình cáp?***  (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS nêu đề bài.  - GV hướng dẫn HS cách tìm số tiền nhà Huy phải trả.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập vào vở.  - Gọi HS trình bày, nêu cách làm.  - GV nhận xét kết quả trên bảng, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc yêu cầu của bài  -HS làm bài  **Bài giải**  Cả năm gia đình Huy phải trả số tiền truyền hình cáp là :  115 000 x 12 = 1 380 000 (đồng)  Đáp số : 1.380 000 đồng  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe. |

**Toán(tiết 58)**

**Bài 34: CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN– Trang 81**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu và vận dụng được các tính chất ( giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, nhân với số 0 của phép nhân.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính chất của phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Một số thẻ số rời, phiếu BT 1

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS dùng các thẻ số rời lập thành các phép tính tương ứng ( thẻ số 3, 4, 12, thẻ dấu =, x)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Với các thẻ số giống nhau ta có thể lập được hai phép tính có kết quả bằng nhau, vậy ta nói hai phép tính đó là hai phép tính bằng nhau. Trong toán học gọi đây là một tích chất. Tính chất là gì? Bài học hôm nay cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu về các tính chất của phép nhân qua bài 34 Các tính chất của phép nhân.* | | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 3 x 4 = 12  + Trả lời: 4 x 3 = 12  - HS lắng nghe. |
|  | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **- Mục tiêu:**  + Biết cách nhận diện các tính chất, thực hiện được các dạng toán khi áp dụng các tính chất  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | - GV giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân.  + GV cho hs quan sát các phép tính của yêu cầu số 1.  - Gọi HS đọc phép tính nêu nhận xét của mình  - Yêu cầu khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân 2 số thì ta nhận được gì?  - GV gọi một số cặp HS lên bảng thực hiện.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt lại: *Cũng tương tự như tính chất giao hoán của phép cộng, với phép nhân cũng có tính chất này. Cụ thể, trong một phép tính tích, khi ta đổi chỗ các thừa số thì kết quả tích của chúng vẫn không thay đổi.*  Ta viết: **a × b = b × a**  - GV giới thiệu tính chất kết hợp.  -GV cho hs quan sát các phép tính thảo luận và tìm ra quy luật.  + Thực hiện phép tính như thế nào?  + Kết quả như thế nào khi thay đổi dấu ngoặc ở phép tính thứ 2?  + Thực hiện phép tính trên ta có thể phát biểu thành lời như thế nào?  -GV chốt lại. *Khi nhân một tích với 3 thừa số, trong đó thừa số thứ 3 ta có thể nhân với thừa số đầu tiên với tích của thừa số thứ hai và thứ ba.*  *Công thức như sau:****a x b x c = (a x b) x c = a x (b x c)***  -GV tổ chức cho học sinh thực hiện tìm ra cách “ Nhân với số 1, nhân với số 0”  + Nhân với số 1: Thực hiện phép tính bằng hai cách  + 6 x 1  + 1 x 6  -GV từ cách tính trên ta có thể nhận xét như thế nào về nhân với 1?  + Nhân với số 0  + 0 x 4  + 4 x 0  -Gv chốt: Các bài toán chúng ta vừa thực hiện để tìm ra quy luật gọi là tính chất. Vậy phép nhân có những tính chất nào? | - 2-3 HS đọc.  - HS thực hiện theo cặp, nói cho nhau nghe về sự giống nhau của các phép tính.  - 2-3 cặp HS lên bảng thực hiện theo yêu cầu.  + Khi đổi chỗ các thừa số của phép nhân hai số thì kết quả không thay đổi.  - HS lắng nghe, nhắc lại  -Hs thảo luận nhóm 4  + Thực hiện như tính giá trị của biểu thức, khi trong biểu thức có dấu ngoặc.  + Kết quả của phép tính không thay đổi vẫn bằng 90  + Khi nhân một tích với số thứ 3, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của sô thứ hai và thứ ba.  - Lớp quan sát và lắng nghe.  - Hs lên thực hiện .  + 6 x 1 = 6  + 1 x 6 = 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1= 6  + Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.  -HS thực hiện  + 0 x 4 = 0 x 0 x 0 x 0 =0  + 4 x 0 = 0  + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.  - HS lắng nghe  + HS trả lời câu hỏi. | |
|  | **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập.**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện phép tính trong bài tập 1,2.  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính chất của phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | **Bài 1. Số (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)**  -GV cho hs đọc yêu cầu của đầu bài  -GV hướng dẫn học sinh làm bài   |  |  | | --- | --- | | a) 12 x 4 = ... x 12  106 x 3 = 3 x ...  b) 7 x ... = 7  519 x ... = 0  ... x 0 = 0 | (17 x 5) x 2 = 17 x (5 x ...)  86 x 2 x 5 = 86 x (2 x ...)  432 x ... = 432  1 x ... = 0  ... x 1 =  3 456 |   -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào đề thực hiện?  Bài 2: Tính bằng cách thuận tiện nhất ( TM)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu   |  |  | | --- | --- | | 35 x 2 x 5= 35 x ( 2 x 5)  = 35 x 10  = 350 | 25 x 4 x 92 = (25 x4) x 92  = 100 x 92  = 9200 |   -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  | | --- | --- | | a) 216 x 5 x 2  b) 4 x 76 x 25 | c) 5 x 19 x 2  d) 125 x 23 x 8 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Ta dùng tính chất kết hợp để đưa về các tích 10,100, 1000 rồi thực hiện phép tính. Áp dụng tính chất nhân một số với 1.  Bài 3: *Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống. Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?*  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.  +Bài toán cho biết điều gì?  + Bài toán yêu cầu điều gì?  + Để giả bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Vậy bài toán này ta làm mấy phép tính.  + Gv cho hs làm bài vào vở và bảng lớp  -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài. | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập  -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài   |  |  | | --- | --- | | a) 12 x 4 = 4 x 12  106 x 3 = 3 x 106  b) 7 x 1 = 7  519 x 0 = 0  123 x 0 = 0 | (17 x 5) x 2 = 17 x (5 x 2)  86 x 2 x 5 = 86 x (2 x 5)  432 x 1 = 432  1 x 0 = 0  3 456 x 1 = 3 456 |   -HS ở ý a khi thực hiện bào tập tớ nhó lại kiến thức về tính chất giao hoán và kết hợp để thực hiện.  Ý b tớ áp dụng số nào nhân với 1 cũng bằng số đó. Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.    -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  a) 216 x 5 x 2 = 216 x (5 x 2)                         = 216 x 10                         = 2 160  b) 4 x 76 x 25 = 76 x (4 x 25)                         = 76 x 100                         = 7 600  c) 5 x 19 x 2 = 19 x (5 x 2)                      = 19 x 10                      = 190  d) 125 x 23 x 8 = (125 x 8) x 23                          = 1 000 x 23                          = 23 000  -HS chia sẻ: để thực hiện được các phép tính bằng cách thuận tiện nhất em đã áp dụng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện, em kết hợp các số có tích bằng 10, 100, 1000.. để thực hiện nhân nhẩm.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  + *Một nhóm 5 người dự định đi dã ngoại trong 3 ngày. Mỗi ngày một người dự kiến mang theo 2kg đồ ăn uống.*  + *Hỏi nhóm người này cần mang theo bao nhiêu ki-lô-gam đồ ăn uống trong quá trình dã ngoại?*  + Ta có thể tính số kg đồ ăn có 5 người trong một ngày. Sau đó ta nhân với 3 ngày.  + Bài này ta có thể làm 2 phép tính. Cách 2 có thể dùng tính chất kết hợp của phép nhân để thực hiện bài giải  -HS làm bài  Bài giải  Nhóm người này cần mang theo số ki-lô-gam đồ ăn uống là :  (5 x 2) x 3 = 30 (kg)  Đáp số : 30 kg đồ ăn uống | |
|  | **4. Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | **Bài 4:** *Một khu chung cư có 4 toà nhà, mỗi toà nhà dành ra 15 tầng để ở, mỗi tầng có 12 căn hộ. Hỏi* *khu chung cư này có bao nhiêu căn hộ để ở?* (Làm việc nhóm cả lớp)  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  Bài giải:  Khu chung cư này có số căn hộ để ở là  (12 x 15) x 4 = 720 (căn)  Đáp số : 720 căn hộ  - Cả lớp nhận xét. | |

**Toán ( tiết 59)**

**Bài 35: LUYỆN TẬP - Trang 83**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện được các bài tập áp dụng nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về nhân một số với một tổng, nhân một số với một hiệu vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực các hoạt động học, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy ( Bảng nhóm BT2).

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | - GV tổ chức trò chơi: “*Hộp quà bí mật* ” để khởi động bài học: Hs chọn một hộp quà và thực hiện theo yêu cầu  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong trò chơi vừa rồi các em đã được ôn tập về tính chất của phép nhân và phép cộng *Bài học hôm nay cô cùng các con luyện tập các bài tập về tính chất phép nhân và phép cộng : Bài 35: Luyện tập trang 83* | - HS tham gia trò chơi: “*Hộp quà bí mật*”.  - Lớp lắng nghe, ghi đầu bài |
|  | **2. Luyện tập:**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép nhân với một tổng, nhân một số với một hiệu.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | **Bài 1. Tính**. (Làm việc cá nhân, nhóm)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một tổng  *a) Tính và so sánh giá trị hai biểu thức sau:*  *5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3*  + Biểu thức trên ta thấy có mấy phép tính?  + Để so sánh được hai phép tính này ta phải làm gì?  -GV cho hs làm bài và nêu kết quả.  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *32 x (200 + 3)* | *(125 + 9) x 8* |   -GV mời các nhóm thực hiện bài theo nhóm đôi.    - GV mời một số nhóm chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 1.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một tổng ta làm thế nào?  + Khi nhân một tổng với một số ta làm thế nào?  **Bài 2.** (Làm việc cá nhân)  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  ? Nêu cách thực hiện tính?  - GV lưu ý HS phép nhân một số với một hiệu  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau  6 x ( 7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *28 x ( 7 -2 )* | *(14 - 7) x 6* |   - GV mời một số hs chia sẻ kết quả thảo luận và cách thực hiện bài tập 2.  - GV kết luận và tuyên dương.  - GV kết luận  + Khi nhân một số với một hiệu ta làm thế nào?  + Khi nhân một hiệu với một số ta làm thế nào? | - 1-2 em nêu.  + HS nêu cách tính.  - HS lắng nghe.  -Hs lắng nghe và theo dõi giáo viên hướng dẫn,  + Biểu thức trên có 2 phép tính  + Tính kết quả và so sánh kết quả của hai phép tính  -HS thực hiện phép tính ra nháp  a)  5 x (4 + 3) = 5 x 7 = 35  5 x 4 + 5 x 3 = 20 + 15 = 35  Hai biểu thức 5 x (4 + 3) và 5 x 4 + 5 x 3 bằng nhau.  -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS lắng nghe và thực hiện bài 1  b) Ví dụ:  4 x (6 + 7) = 4 x 6 + 4 x 7  = 24 + 28 = 52  (12 + 67) x 3 = 12 x 3 + 67 x 3  = 36 + 201 = 237  c)  32 x (200 + 3) = 32 x 200 + 32 x 3  = 6 400 + 96 = 6 496  (125 + 9) x 8 = 125 x 8 + 9 x 8  = 1 000 + 72 = 1 072  -Hs chia sẻ trước lớp cách làm bài tập 1  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau.  + Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả với nhau.  -Hs thực hiện và trả lời câu hỏi  -Hs làm bài  a) Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức sau  6 x ( 7- 5) và 6 x 7 – 6 x 5  + 6 x ( 7 – 5) = 6 x 2  =12  + 6 x 7 – 6 x 5 = 42 – 30  = 12  + Giá trị của phép tính không thay đổi.  *b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh hoạ trong nhóm đôi*  + Hs thảo luận nội dung và lấy vd  https://img.loigiaihay.com/picture/2023/0418/20_6.png  Ví dụ minh họa:  5 x (20 – 4) = 5 x 20 – 5 x 4  = 100 – 20  = 80  (27 – 9) x 2 = 27 x 2 – 9 x 2  = 54 – 18  = 36  *c) Tính:*   |  |  | | --- | --- | | *28 x ( 7 -2 )* | *(14 - 7) x 6* |   28 x (10 – 1) = 28 x 10 – 28 x 1                       = 280 – 28                       = 252  (100 – 1) x 36 = 100 x 36 – 1 x 36                          = 3 600 – 36                          = 3 564  -HS lắng nghe  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ hai kết quả cho nhau.  + Khi nhân một số với một hiệu, ta có  thể nhân số số bị trừ và số trừ với số đó, rồi trừ hai kết quả cho nhau |
|  | **3.** **Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | |
|  | **Bài 3** Minh đã giúp bác Phú tính số viên gạch ốp tường bếp theo hai cách dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | Cách 1: (5 + 3) x 10  Cách 2: (4 + 6) x 8  Em hãy thảo luận về hai cách tính trên | https://img.loigiaihay.com/picture/2023/0418/20_7.png |   -GV cho hs đọc bài và trả lời câu hỏi. Để làm được bài toán này ta phải làm như thế nào?  + Hãy thảo luận về hai cách tính của bạn minh?  .    -GV nhận xét chữa bài  - Nhận xét tiết học. | -HS đọc bài  +Quan sát tranh để xác định cách bạn Minh tính số viên gạch + Hai cách tính của bạn Mình đều đúng.  Cách 1: Bạn Mình đếm trong 1 cột có 5 viên gạch màu cam và 3 viên gạch màu xanh và có tất cả 10 cột như thế. Vậy biểu thức tính là (5 + 3) x 10  Cách 2: Bạn Mình đếm mỗi hàng ngang có 4 viên gạch hoặc 6 viên gạch, có tất cả 8 hàng ngang như thế.  Vậy biểu thức tính là (4 + 6) x 8 |

**Toán(tiết 60)**

**Bài 36: NHÂN MỘT SỐ VỚI 10, 100, 1000 – Trang 84**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách thực hiện phép nhân với số tự nhiên với 10, 100, 1000

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để tính nhanh, tính nhẩm khi nhân một số với 10, 100, 1000.. vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Phiếu BT1. Bảng con BT3

**2. Học sinh**

- Bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1. Hoạt động mở đầu:**  **- Mục tiêu:** + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh, ai đúng”. Một bạn đặt phép tính một bạn ghi kết quả.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: *Để thực hiện cách tính thuận tiện và tính nhanh ngoài những tính chất mà chúng ta đã học hôm nay cô trò chúng ta học sang một dạng bài mới là bài Bài 36: Nhân một số với 10, 100, 1000* | | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 30 x 4 = 120  + Trả lời: 400 x 3 = 1200  - HS lắng nghe. |
|  | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **- Mục tiêu:**  + Nhận diện được các phép tính nhân một số với 10, 100, 1000..,  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | - GV giới thiệu phép nhân.  47 x 10 = ?  + GV cho hs quan sát phép tính và thực hiện làm bài tập vào nháp  -Nhận xét  + Gv cho hs thực hiện phép tính tương tự như ý a.  47 x 100  - GV chốt lại cách tính: Khi nhân số tự nhiên với 10,100,1000,... ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 00 vào bên phải số đó.  + Vậy khi nhân một số với 10, 100, 1000 ta làm như thế nào? | - Hs thảo luận các làm bài  - HS thảo luận và làm bài:  - HS chia sẻ cách làm bài áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân.  Nhẩm 1 chục x 47 = 47 chục = 470  Vậy 47 x 10 = 470.  + Khi nhân một số với 10 ta chỉ việc thêm chữ số 0 vào bên phải chữ số đó.  - HS thực hiện phép tính  47 x 100 = 100 x 47  Nhẩm 1 trăm x 47 = 47 trăm = 4700  Vậy 47 x 100 = 4700.  + Khi nhân một số với 100 ta chỉ việc thêm hai chữ số 0 vào bên phải chữ số đó  - HS lắng nghe, nhắc lại  + Khi nhân số tự nhiên với 10,100,  1000 ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó. | |
|  | **3. Hoạt động Thực hành, luyện tập.**  **- Mục tiêu:**  + Thực hiện được phép tính trong bài tập 1,2 3.  + Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về nhân số tự nhiên với 10,100,1000 đã học  vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | **Bài 1. Tính nhẩm (Làm việc cá nhân trên phiếu bài tập)**  -GV cho hs đọc yêu cầu của đầu bài  -GV hướng dẫn học sinh làm bài   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10  5 x 100  5 x 1 000 | 32 x 10  32 x 100  32 x 1 000 | 183 x 10  183 x 100  183 x 1 000 | 307 x 10  560 x 100  105 x 1 000 |   -GV gọi hs chia sẻ kết quả bài tập và chia sẻ cách làm của mình với bạn  -GV nhận xét: Trong bài tập 1 ta áp dụng kiến thức như thế nào để thực hiện?  **Bài 2:** Vận dụng tính chất của phép tính nhân để tính nhẩm (theo mẫu)  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn mẫu  Mẫu 3 x 40 = 3 x 4 x10 = 12 x 10 = 120  -GV cho hs làm bài theo nhóm đôi vào vở   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 3 x 50  3 x 200  3 x 4 000 | 2 x 80  4 x 300  3 x 7 000 | 9 x 70  5 x 300  6 x 2 000 |   -GV mời các nhóm chia sẻ cách làm của mình  -GV chốt kiến thức: cô đồng tình với ý kiến của bạn. Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  **Bài 3:** Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm:  -GV cho hs đọc yêu cầu của bài  -GV hướng dẫn hs tìm hiểu bài.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 20 x 70  40 x 40 | 300 x 40  600 x 30 | 2 000 x 30  3 000 x 60 |   -GV chữa bài, chốt kiến thức áp dụng trong bài.  **Bài 4:** *Một cửa hàng xếp các cuốn sổ ghi chép vào trong các thùng, mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ. Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép?*  - GV gọi học sinh đọc yêu cầu của bài.  - GV hướng dẫn học sinh làm bài.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Để làm được bài toán này ta hải làm như thế nào?  -GV cho hs làm bài vào vở  -GV mới học sinh chia sẻ kết quả và cách làm  -GV nhận xét chốt lại kết quả đúng. | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe. Hs làm bài vào phiếu bài tập   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5 x 10 = 50  5 x 100 = 500  5 x 1 000= 5000 | 32 x 10= 320  32 x 100 = 3200  32 x 1 000 = 32000 | | | | 183 x 10 = 1830  183 x 100 = 18300  183 x 1 000 = 183000 | | 307 x 10 = 3070  560 x 100 = 56000  105 x 1.000 =105000 |   -Hs chia sẻ kết quả và cách làm bài  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  -HS đọc yêu cầu của bài  -Lắng nghe hs hướng dẫn mẫu  -HS làm bài theo nhóm  3 x 50 = 3 x 5 x 10 = 15 x 10 = 150  3 x 200 = 3 x 2 x 100 = 6 x 100 = 600  3 x 4 000 = 3 x 4 x 1000 = 12 x1000=12 000  2 x 80 = 2 x 8 x 10 = 16 x 10 =160  4 x 300 = 4 x 3 x 100= 12 x 100=1 200  3 x 7 000 = 3 x 7 x 1000= 21x 1000= 21 000  9 x 70 = 9 x 7 x 10 = 63 x 10 = 630  5 x 300 = 5 x 3 x 100= 15 x 100= 1 500  6 x 2 000 =6 x 2 x 1000= 12 x 1000= 12 000  -HS chia sẻ:  + Nhân số tự nhiên với 10,100,1000  ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba ... chữ số 0 vào bên phải số đó.  - Lắng nghe  -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.  -Hs làm bài  20 x 70 = 1 400  40 x 40 = 1 600  300 x 40 = 12 000  600 x 30 = 18 000  2 000 x 30 = 60 000  3 000 x 60 = 180 000  -HS đọc bài  -Lắng nghe  + *Mỗi thùng chứa 1 000 cuốn sổ*  *+Hỏi 43 thùng như vậy chứa được tất cả bao nhiêu cuốn sổ ghi chép*  *+ Ta lấy số sổ ở 1 thừng nhân với số thùng.*  -HS làm bài  ***Bài giải:***  43 thùng chứa được tất cả số cuốn sổ ghi chép là :  1 000 x 43 = 43 000 (cuốn)  Đáp số : 43 000 cuốn sổ ghi chép  -Hs chia sẻ trước lớp | |
|  | **4. Vận dụng.**  **- Mục tiêu:**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học xong bài học.  **- Cách tiến hành:** | | |
|  | **Bài 5:**  *Trò chơi tính nhẩm*  Bài 5(sgk tr.84)  **-** GV tổ chức cho HS thi giải nhanh tính đúng bài toán  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau**.** | - HS thi đua giải nhanh, tính đúng bài toán.  - HS trình bày.  23 x 100 = 2 300  12 x 10 = 120  826 x 100 = 82 600  95 x 1.000 = 95 000  - Cả lớp nhận xét. | |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/